



PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 1

Unit 7 Lesson 3 · Unit 8 Lesson 1 (SGK tr. 33–34)



Tuần 14

Họ và tên:

Lớp:



Bài 1: Write the letters – viết chữ cái hoa, chữ thường theo mẫu

Mẫu: Gg Hh

Mỗi dòng một chữ cái: chữ hoa trước, chữ thường sau (Gg, Hh). Chưa cần viết từ.

Bài 2: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu



irl



oat



and



orse



ell

Bài 3: Match – nối chữ hoa với chữ thường

1. G



a. h

2. H



b. e

3. E



c. i

4. I



d. g

Bài 4: Match – bố mẹ đọc từ, bé nối hình với từ



goat



girl



horse



hand

Bài 5: Listen and circle – bố mẹ đọc to từ, bé khoanh chữ cái

1. Bố mẹ đọc «girl» – chữ cái đầu là:

2. Bố mẹ đọc «goat» – chữ cái đầu là:

3. Bố mẹ đọc «hand» – chữ cái đầu là:

4. Bố mẹ đọc «horse» – chữ cái đầu là:

a	d	g
g	i	e
c	h	i
g	b	h

Bài 6: Listen and choose – bố mẹ đọc câu và hai ý, bé chọn

1. Bố mẹ đọc: «There's a garden.» Câu này nghĩa là:

(A) Có một khu vườn. (B) Có một con dê.

2. Bố mẹ đọc: «There's a goat.» Câu này nghĩa là:

(A) Có một khu vườn. (B) Có một con dê.



ĐÁP ÁN – TIẾNG ANH LỚP 1

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài



Tuần 14

Bài 1: Write the letters – viết chữ cái hoa, chữ thường theo mẫu

Gg, Hh

Bài 2: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu

– girl – goat – hand – horse – bell

Bài 3: Match – nối chữ hoa với chữ thường

1 – d 2 – a 3 – b 4 – c

Bài 4: Match – bố mẹ đọc từ, bé nối hình với từ

– girl – goat – hand – horse

Bài 5: Listen and circle – bố mẹ đọc to từ, bé khoanh chữ cái

1. C (g) 2. A (g) 3. B (h) 4. C (h)

Bài 6: Listen and choose – bố mẹ đọc câu và hai ý, bé chọn

1. A (Có một khu vườn.) 2. B (Có một con dê.)

on thi . app / phieu - bai - tap – in miễn phí cả 35 tuần, có đáp án

🌟 Ôn Thi · học như chơi, lớp 1–5